

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 22 - 5 - 2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Sương;

Ông Nguyễn Thanh Tiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 646/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thu H1, sinh năm 1982; (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1972 (Xin vắng mặt).

Cùng trú tại: Ấp Hưng Th, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thu H1 trình bày: Chị H1 và anh Hùng là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc, đã ly thân đầu năm 2019 đến nay. Nay nhận thấy tình

cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H1 yêu cầu được ly hôn với anh H2. Về con chung: Chị H1 và anh H2 chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Quốc C, sinh ngày 28/9/2001, hiện đã thành niên và có khả năng lao động được; Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 28/5/2005 đang ở với chị H1. Ly hôn yêu cầu tiếp tục nuôi cháu M, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tờ tường trình ngày 13/5/2020 của bị đơn anh Nguyễn Văn H2 trình bày: Thống nhất với phần trình bày của chị H1 về thời gian chung sống, mâu thuẫn, thời gian ly thân, đồng ý ly hôn. Con chung có 02 con chung tên Nguyễn Quốc C, sinh ngày 28/9/2001, hiện đã thành niên và có khả năng lao động được; Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 28/5/2005 đang ở với chị H1, tùy con muốn ở với ai cũng được, ở với anh thì H2 nuôi không yêu cầu vợ cấp dưỡng, ở với vợ thì anh H2 không cấp dưỡng. Về tài sản chung không, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Chị H1 giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 28/5/2005 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh H2 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn H2 có hộ khẩu thường trú tại xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang. Chị Hồng khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị H1 và anh H2 chung sống năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa, chị H1 cho rằng vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, đã ly thân đầu năm 2019 đến nay, không còn tình cảm đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên kiên quyết ly hôn. Xét thấy, chị H1 và anh H2 chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000 và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký là không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản

2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thu H1 và anh Nguyễn Văn H2.

- Về con chung: Chị H1 và anh H2 chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Quốc C, sinh ngày 28/9/2001, hiện đã thành niên và có khả năng lao động được; Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 28/5/2005 đang ở với chị H1, ly hôn, chị H1 yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M. Xét, từ khi ly thân đến nay cháu M được chị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, chị Hồng có việc làm và thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của con chung và theo nguyện vọng của cháu M muốn ở với chị H1 và chị H1 có nguyện vọng nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu M cho chị H1 được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; quyền nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H1 không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị H1 phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 51; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thu H1 và anh Nguyễn Văn H2.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 28/5/2005 cho chị Nguyễn Thu H1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H1 cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H1 không yêu cầu anh Hùng cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thu H1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005956 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Mỹ